



Tòa án với vai trò bảo đảm quyền con người trong mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Lê Lan Chi*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận 14 tháng 3 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 3 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 3 năm 2018

Tóm tắt: Với chức năng thực hiện quyền tư pháp, Tòa án có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm quyền con người. Tuy nhiên, tại các quốc gia khác nhau, theo các mô hình tố tụng hình sự khác nhau, vai trò bảo đảm quyền con người của toà án cũng có thể rất khác nhau. Tại Việt Nam, quốc gia theo mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm, thiết chế Toà án cũng mang cách tiếp cận đặc trưng của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm đối với vấn đề quyền con người. Bối cảnh pháp quyền và nhân quyền ngày càng được đề cao ở Việt Nam hiện nay đang đặt ra những thách thức, những đòi hỏi phải thay đổi cách tiếp cận về vai trò này của toà án trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Từ khóa: Toà án, xét xử, quyền con người, mô hình, tố tụng công bằng, kiểm soát tội phạm, người bị buộc tội.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hóa, sự giao thoa giữa các hệ thống pháp luật ngày càng tăng thì những khác biệt về tố tụng hình sự (TTHS) - về quy trình giải quyết vụ án hình sự giữa các quốc gia ngày càng giảm thiểu. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa sẽ định hình một “thế giới phẳng” về tư pháp hình sự, một xu thế thống nhất về TTHS giữa các quốc gia. TTHS của

mỗi quốc gia chịu tác động rất lớn từ triết lý về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa quyền lực Nhà nước và quyền tự do cá nhân, chịu tác động của các yếu tố chính trị, yếu tố lịch sử - truyền thống, yếu tố văn hóa - xã hội... Những tương đồng và khác biệt của pháp luật TTHS và thực tiễn TTHS do sự tác động của các yếu tố này được giới nghiên cứu tư pháp hình sự khái quát, phân loại trên cơ sở nhiều lý thuyết khác nhau. Một trong số đó là lý thuyết có tính phổ biến và được chấp nhận rộng rãi trên thế giới hiện nay của Herbert L. Packer¹ -

* ĐT.: 84-24-37547512.

Email: lechilan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4139>

¹ Herbert L. Packer: Giáo sư chuyên ngành luật, tội phạm học tại Đại học Stanford Hoa Kỳ, người đưa ra lý thuyết

lý thuyết được sử dụng nhiều trong nghiên cứu về bảo đảm quyền con người trong TTTHS, theo đó TTTHS được phân loại thành hai mô hình tổ tụng tiêu biểu: mô hình tổ tụng *kiểm soát tội phạm* (crime - control model) và mô hình tổ tụng *công bằng* (due - process model). Mỗi mô hình tổ tụng theo cách phân loại của Herbert L. Packer trước hết thể hiện những mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống tư pháp hình sự đối với việc bảo đảm quyền con người số đông (cộng đồng) và con người cá nhân (người bị tình nghi/bị buộc tội), qua đó cũng thể hiện nguyên lý tổ chức, vận hành các chức năng, các giai đoạn của tổ tụng TTTHS trong quá trình chứng minh để xác định sự thật và bảo vệ công lý [1].

Trong mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm hay mô hình tổ tụng công bằng, dù chức năng xét xử không thay đổi nhưng vị trí, tính độc lập của Tòa án, vai trò của Tòa án đối với việc bảo vệ quyền con người lại có sự khác biệt nhất định. Về cơ bản TTTHS Việt Nam thuộc mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm, TTTHS Việt Nam thể hiện đầy đủ các đặc điểm của mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm và Tòa án trong TTTHS Việt Nam cũng thể hiện vai trò bảo đảm quyền con người theo cách riêng của mô hình này với cả những ưu điểm và nhược điểm tương ứng.

2. Tòa án trong mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm và vai trò của Tòa án đối với việc bảo đảm quyền con người

Mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm - đúng như tên gọi của nó - nhấn mạnh mục tiêu kiểm soát tội phạm, đấu tranh phòng chống tội phạm, không bỏ lọt tội phạm, ở đâu có tội phạm thì ở đó tội phạm phải bị phát hiện, xử lý. Kiểm soát, trấn áp tội phạm là sứ mệnh, nhiệm vụ cơ bản, hàng đầu của toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự [2]. Vì vậy, mô hình tổ tụng này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải "... phát hiện chính

xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội"². Các đặc điểm của mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm trong sự khác biệt với mô hình tổ tụng công bằng và sự tác động tới vị trí của Tòa án, vai trò của Tòa án đối với vấn đề bảo vệ quyền con người có thể được nhìn nhận từ các phương diện sau đây:

- Mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm quan niệm bảo vệ quyền con người (số đông) là mục tiêu tối thượng của TTTHS, hệ thống TPHTS phải bảo đảm an toàn xã hội, giữ gìn trật tự xã hội, hạn chế tối đa sự xâm hại của tội phạm tới an ninh và quyền tự do cá nhân của mọi người dân trong xã hội. Để thực hiện những mục tiêu trên, trong mô hình tổ tụng này, pháp luật TTTHS có thiên hướng "ưu ái" hơn, tạo sự chủ động nhiều hơn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, giảm thiểu các rào cản về thủ tục cho tiến trình phát hiện, điều tra, truy tố và kết tội người phạm tội. Tòa án được "thụ hưởng" nhiều quy định thuận lợi cho việc tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ví dụ, Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu điều tra bổ sung, có quyền hoãn phiên tòa (khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa, khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Điều 280, Điều 297 Bộ luật TTTHS năm 2015). Có thể hiểu đây là những biện pháp bảo đảm "an toàn" cho Tòa án và các bản án của Tòa án và cao hơn cả là bảo đảm chất lượng cho quyết định được trông

² Điều 2 BLTTHS năm 2015 về Nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự: về cơ bản, quy định của Điều 2 BLTTHS năm 2015 giống với quy định của Điều 1 BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 về nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự, xuất phát từ mục tiêu hàng đầu, mang tính nhất quán trong xây dựng Bộ luật tố tụng hình sự, theo đó Bộ luật này trước hết phải: "là công cụ sắc bén để đấu tranh hữu hiệu với mọi tội phạm" (Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), "Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015", Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, trang 14).

nổi tiếng về phân loại mô hình tổ tụng hình sự trong cuốn sách "The Limits of the Criminal Sanction" (Stanford University Press, 1968) và nhiều công bố liên quan khác.

đội nhất của toàn bộ tiến trình tố tụng. Tuy nhiên, ở một lăng kính khác, có thể thấy Toà án với chức năng xét xử đang thực hiện một phần chức năng buộc tội hay Toà án/chức năng xét xử đang có sự gắn gũi và tương hỗ với Viện kiểm sát/chức năng buộc tội. Trong các chức năng của TTHS, chức năng buộc tội được chú trọng hơn chức năng gỡ tội, và do vậy, chức năng gỡ tội cũng như quyền và các bảo đảm quyền cho người bị buộc tội khó có được vị trí và sự quan tâm thoả đáng.

Với mô hình tố tụng công bằng, “chức năng quan trọng nhất của tư pháp hình sự là đem lại một quá trình tố tụng công bằng, thoả đáng” [3] cho các chủ thể TTHS, nhất là phải công bằng, thoả đáng cho bên yếu thế trong tranh chấp hình sự, đó là bên bị buộc tội trong quá trình chống lại sự buộc tội của Nhà nước (khác với cách tiếp cận của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm coi người bị buộc tội là đối tượng truy cứu trách nhiệm hình sự). Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, về lý thuyết, các quyền cơ bản của công dân phải được bảo đảm. Chẳng hạn, theo Hiến pháp Hoa Kỳ, đó là các quyền chống lại việc khám xét và thu giữ bất hợp lý (Tu chính án số 4), quyền không phải buộc tội chính mình, quyền có người bào chữa do chính mình lựa chọn, quyền được bào chữa miễn phí nếu không đủ khả năng tài chính; quyền không bị kết tội nhiều hơn một lần về cùng một tội quyền không bị kết tội nhiều hơn một lần về cùng một tội, quyền được xét xử một cách vô tư, nhanh chóng, không bị trì hoãn vô căn cứ (Tu chính án số 5, 6), quyền được bảo lãnh ở mức phí bảo lãnh hợp lý (Tu chính án số 8)... Toà án với vai trò phán xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của hoạt động thu thập chứng cứ, của các biện pháp cưỡng chế, có nhiệm vụ bảo đảm một quy trình tố tụng trong đó công dân thực hiện được các quyền dân sự cơ bản nêu trên một cách thực chất. Các chứng cứ buộc tội trong mô hình tố tụng công bằng phải đặc biệt thoả mãn yêu cầu về tính hợp pháp (không được sử dụng các biện pháp bất hợp pháp, xâm phạm quyền con người để thu thập), vượt qua được những nghi ngờ có cơ sở (*beyond reasonable doubt*). Nếu không

vượt qua được, chứng cứ buộc tội sẽ không được chấp nhận, tiến trình buộc tội sẽ thất bại và bên buộc tội phải nhận thua tại phiên toà với việc Toà án ra phán quyết bị cáo vô tội vì không đủ chứng cứ buộc tội, hoặc nhận “thua” sớm hơn, “đẹp” hơn trước phiên toà qua thủ tục “thương lượng nhận tội” (*plea - bargaining*) hoặc quyết định không truy tố theo thẩm quyền “toàn quyền quyết định việc truy tố” (*discretion*). Trong khi đó, các chứng cứ buộc tội trong mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm cũng phải bảo đảm được tính hợp pháp, nhưng nếu chưa đảm bảo tính hợp pháp, chưa đủ để buộc tội thì bên buộc tội vẫn “được” Toà án tạo các cơ hội để “khắc phục”, để bổ sung. Nói một cách cực đoan [4], người bị buộc tội được suy đoán là có tội nên chỉ cần gia hạn điều tra, bổ sung thêm là sẽ có thể có đủ các chứng cứ buộc tội để khẳng định là có tội. Còn ở mô hình tố tụng công bằng, người bị buộc tội được suy đoán là vô tội nên chỉ cần loại trừ một số chứng cứ buộc tội là đủ để khẳng định bị cáo không phạm tội do không đủ chứng cứ buộc tội.

- Về nguyên lý, khả năng vi phạm quyền con người của người bị buộc tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự theo mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm là cao hơn so với mô hình tố tụng công bằng. Mô hình tố tụng công bằng cho rằng quyền con người quan trọng tới mức mọi biện pháp cưỡng chế tố tụng từ phía các cơ quan nhà nước phải được hạn chế tối đa để giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước vào các quyền tự do, dân chủ của công dân – những nội dung cơ bản của quyền con người, nhấn mạnh tính hợp pháp trong các hoạt động tố tụng, hạn chế mức độ can thiệp của chính quyền vào cuộc sống bình thường của công dân. Đối với Tòa án, cơ quan này tham gia vào quá trình tố tụng từ rất sớm với việc ban hành các lệnh, trát áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người bị tình nghi. Và do vậy, đã có sự xem xét công khai, đã có các phán quyết tư pháp trên cơ sở tranh tụng đối với các chứng cứ để xác định sự cần thiết áp dụng các biện pháp cưỡng chế có khả năng xâm phạm quyền con người. Thẩm quyền tư pháp xuất hiện rất sớm trong tiến trình

tố tụng ngay sau khi người bị tình nghi bị bắt giữ (Appearance Upon an Arrest) và những phiên làm việc đầu tiên của toà án ngay sau khi kết thúc điều tra sơ bộ (Preliminary Hearing). Trong khi đó, mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm cho rằng quyền con người (số đông) quan trọng tới mức phải dành mọi biện pháp tố tụng để hạn chế tội phạm, quyền lực của cơ quan cảnh sát nên được mở rộng để thuận lợi cho việc điều tra, bắt người, khám xét thu giữ và buộc tội, gián thiêu các rào cản pháp lý cho cơ quan cảnh sát. Giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố trước khi xét xử kéo dài và thậm chí có thời hạn lớn hơn nhiều lần so với giai đoạn xét xử trong tổng thời hạn tố tụng (ví dụ, theo các quy định về thời hạn của từng giai đoạn tố tụng trong BLTTHS năm 2015, tổng thời hạn khởi tố, điều tra, truy tố tối đa với tội đặc biệt nghiêm trọng là 7 tháng, với tội ít nghiêm trọng là 3 tháng 10 ngày, không tính các trường hợp gia hạn, trả hồ sơ...) do vậy, sự can thiệp của Toà án để bảo đảm quyền con người vào quãng thời gian rất dài và rất có khả năng xâm phạm quyền con người trước giai đoạn xét xử là không đặt ra.

- Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm mà hình thức tố tụng (phương thức xác định sự thật) tương ứng là tố tụng thẩm vấn nhấn mạnh vai trò của giai đoạn điều tra trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, đặc điểm này khác với mô hình tố tụng công bằng với hình thức tố tụng tương ứng là tố tụng tranh tụng chú trọng vào giai đoạn xét xử. Giai đoạn xét xử của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm là một trong các khâu và là khâu cuối cùng của tiến trình truy cứu trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm giải trình tư pháp được nương tựa vào hồ sơ vụ án và kết quả điều tra. Tại không ít quốc gia, quyền con người không được bảo đảm hiệu quả khi Toà án với hoạt động xét xử chỉ là “bản án hóa” kết luận điều tra của quá trình điều tra được thực hiện khép kín, một chiều trước đó. Sự phân chia giai đoạn tố tụng, chức năng tố tụng, chủ thể tiến hành tố tụng phần nào mang tính chất tương đối. Trong hình thức tố tụng

tranh tụng theo mô hình tố tụng công bằng, xét xử thực sự là trung tâm, thậm chí TTHS còn được quan niệm chỉ bao gồm giai đoạn xét xử, các giai đoạn trước đó bị gọi chung là giai đoạn “tiền tố tụng”. Toà án được độc lập để trung lập, để đứng giữa trong “trận đấu” giữa hai bên đối tụng là buộc tội và gỡ tội, “trận đấu” này tạo nên diện mạo chính của TTHS. Phương thức xác định sự thật qua tranh tụng và không bị bó buộc vào hồ sơ là một phương thức tố tụng mở, phiên tòa diễn ra và kết thúc với nhiều kịch bản, Toà án có trách nhiệm ra phán quyết phù hợp và trách nhiệm giải trình phán quyết tư pháp của mình. Tại phiên tòa tranh tụng, sự vận động của chức năng buộc tội và chức năng gỡ tội có thể coi như sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập để tìm tới sự thống nhất chung là sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm quyền được suy đoán vô tội cho bị cáo.

3. Một số vấn đề về vai trò bảo đảm quyền con người của Toà án đặt ra khi thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm thường gắn với hình thức tố tụng thẩm vấn, hiện diện tại các quốc gia đề cao vai trò của Nhà nước, quyền lực của Nhà nước, trách nhiệm của Nhà nước trong việc duy trì trật tự xã hội, sự phân quyền hành pháp và tư pháp không rõ ràng cũng như nhánh hành pháp có xu hướng được coi trọng hơn nhánh tư pháp.

Trong những năm gần đây, tiến trình cải cách tư pháp tại Việt Nam được đẩy mạnh với nhiều thay đổi mang tính tích cực. Toà án được khẳng định “cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” (Điều 102 Hiến pháp năm 2013). Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của toà án cũng đang theo định hướng cải cách để Toà án thực sự có vị trí trung tâm trong hệ thống các cơ quan tư pháp và hoạt động xét xử là trọng tâm. Nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Toà án cũng được quy định với cách tiếp cận mới (gắn với nhiệm vụ bảo vệ

công lý và đặt lên trước nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước). Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định Tòa án có “nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Xu thế mở rộng tranh tụng tiếp tục được đẩy mạnh với việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, thủ tục xét hỏi và thủ tục tranh luận tại phiên tòa hình sự được đổi tên thành thủ tục tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy các ưu điểm của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm, để Tòa án có vai trò thực chất hơn trong việc bảo đảm quyền con người trong thể chế chính trị - tư pháp hiện nay, các chế định và thực tiễn pháp lý quan trọng sau cần được xem xét trong mối liên hệ với nhau để đưa ra các giải pháp theo lộ trình và giải pháp thích hợp:

Thứ nhất, tranh tụng và tính thực chất của hoạt động tranh tụng: không hề đơn giản trong việc thiết lập cơ chế tranh tụng trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án. Khi có tranh tụng thực chất thì vai trò của Tòa án cũng mới trở nên thực chất bởi cần có một trọng tài thực sự để xác định bên đối tụng nào là kẻ thắng, người thua. Hiện nay, Tòa án vẫn chưa thể hoàn toàn độc lập với các cơ quan khác trong hệ thống hình sự để đưa ra phán quyết với tư cách trọng tài. Không có sự phân định rạch ròi giữa ba chức năng tố tụng khi các cơ quan tiến hành tố tụng của Nhà nước cùng thực hiện tương đối “trộn gói” các chức năng của tố tụng. Chức năng bào chữa của TTHS chưa tương xứng với chức năng buộc tội và chức năng xét xử. Những tồn tại trên là trở ngại đáng kể để hiện thực hoá nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.

Tòa án được cải cách tư pháp xác định là có vị trí trung tâm và hoạt động xét xử là trọng tâm. Tuy nhiên, vị trí trung tâm của Tòa án trong TTHS Việt Nam vẫn là vị trí mang tính đích hướng chứ chưa phải là vị trí thực tế. Bản thân sự độc lập của tòa án với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, sự độc lập của

những người trực tiếp xét xử như Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, sự độc lập của Hội thẩm nhân dân chiếm đa số trong thành phần Hội đồng xét xử với Thẩm phán cũng là những vấn đề ít nhiều mang tính hình thức. Thực tế cách đặt vấn đề mang tính phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan nhà nước khác, cách đặt vấn đề chỉ tiêu thi đua, định mức hoàn thành nhiệm vụ, cách đặt vấn đề Thẩm phán như một công chức hành chính Nhà nước và tư duy nhiệm kỳ... đang xây thêm những rào cản đối với tính độc lập tư pháp và tính thực chất về giá trị của các phán quyết tư pháp dựa trên tranh tụng. Tòa án phải có các bảo đảm để thực hiện được thẩm quyền “kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử” như quy định tại khoản 3 Điều 2 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Bởi lẽ “thủ tục pháp lý chặt chẽ luôn luôn được coi là yếu tố cốt lõi của chế độ pháp quyền bởi đó là lá chắn hữu hiệu để bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật” [6].

Thứ hai, giai đoạn điều tra và tính “quyền lực” của giai đoạn điều tra, giai đoạn xét xử còn phụ thuộc nhiều vào kết quả của giai đoạn điều tra. Giai đoạn điều tra với thời hạn dài được tiếp nối sau giai đoạn khởi tố vụ án (cũng đang có xu hướng được kéo dài với sự nhấn mạnh thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của BLTTHS năm 2015 và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014), cùng với việc các căn cứ và thời hạn tạm giam được quy định theo hướng đảm bảo thuận lợi cho hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đã góp phần định hình một cục diện tố tụng mà cán cân quyền lực nghiêng về các chủ thể tiến hành tố tụng tiền xét xử. Sự tồn tại khách quan của nguyên lý “án tại hồ sơ” theo thủ tục bút lục và các phán quyết tư pháp chủ yếu dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ trước khi mở phiên tòa là một trong các đặc điểm của hình thức tố tụng thẩm vấn tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

“Hồ sơ vụ án thực sự là những bút lục phản ánh đầy đủ, toàn bộ các thủ tục tố tụng trước phiên toà... Thẩm phán, người đọc hồ sơ trước sẽ biết tương đối cặn kẽ điều gì sẽ diễn ra trong toàn bộ phiên toà” [5]. Mặt khác, tại Việt Nam, tỷ lệ bản án tuyên không phạm tội ở Việt Nam đặc biệt thấp là một thành tựu đặc biệt lớn của hệ thống tư pháp và cần có sự trân trọng đặc biệt, tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, tỷ lệ này cũng phản ánh sự đồng thuận cao của Tòa án với sản phẩm điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và không khó để đặt ra câu hỏi: liệu Tòa án đã thực sự độc lập trong cả vị thế tố tụng lẫn quan điểm tố tụng, tư duy tố tụng khi xét xử những bị cáo và những hành vi theo dõi danh mà Viện kiểm sát truy tố hay không.

Thứ ba, chế định điều tra bổ sung và sự kéo dài của thời hạn tố tụng cho việc buộc tội: Hiện nay, luật tố tụng hình sự vẫn đang dành cho Viện kiểm sát và Tòa án quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung, hoãn phiên toà để thu thập, bổ sung chứng cứ. Về nguyên tắc luật đã dành cho Viện kiểm sát thẩm quyền tiến hành các hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, song hành với Cơ quan điều tra ngay từ ban đầu. Vậy nhưng khi Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đề nghị truy tố, Viện kiểm sát vẫn còn quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung 2 lần chủ yếu để bảo đảm tính có căn cứ của quyết định buộc tội. Khi Viện kiểm sát quyết định việc buộc tội, chuyển hồ sơ sang Tòa án, Tòa án lại có thể được trả hồ sơ để điều tra bổ sung 2 lần chủ yếu để bảo đảm tính có căn cứ của quyết định kết tội. Trong khi đó, đáng lẽ việc đặt ra thời hạn tố tụng là để yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng phải cung cấp một sản phẩm tố tụng trong thời hạn đã ấn định, qua đó đánh giá hiệu quả làm việc của cơ quan tiến hành tố tụng và cũng là đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng hữu quan, nếu sản phẩm tố tụng đó bị lỗi thì cũng đồng nghĩa cơ quan tiến hành tố tụng không hoàn thành nhiệm vụ tố tụng và đồng nghĩa với việc phải chấp nhận phán quyết của toà án tuyên bị cáo không phạm tội cho sản phẩm buộc tội thiếu chứng cứ hoặc vi phạm

ng nghiêm trọng thủ tục tố tụng/không đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ buộc tội.

Thứ tư, kiểm sát xét xử và mối quan hệ phức hợp giữa Viện kiểm sát với Tòa án: Viện kiểm sát được trao thẩm quyền kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án (Điều 42 BLTTHS năm 2015, Điều 6 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014) xuất phát từ chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát mà hoạt động xét xử là hoạt động tư pháp trọng tâm. Tuy nhiên, điều này không thật sự phù hợp với tính chất của hoạt động xét xử (diễn ra công khai, với sự hiện diện đầy đủ của các đại diện cho các chức năng tố tụng, với các cơ chế kháng cáo, kháng nghị để đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp của hoạt động xét xử), với chủ thể của hoạt động kiểm sát (Viện kiểm sát là chủ thể của hoạt động kiểm sát xét xử nhưng cũng chỉ là một bên – bên buộc tội và Tòa án phải khách quan cả bên buộc tội và bên gỡ tội trong khi bên buộc tội đang có thẩm quyền kiểm sát mình. Ngoài thẩm quyền kiểm sát hoạt động xét xử của toà án, Viện kiểm sát còn có thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, bao gồm cả hoạt động của người bị buộc tội và người bào chữa, dường như chức năng của Viện kiểm sát là kiểm sát hoạt động tư pháp đã được mở rộng với nhận thức kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng cũng nằm trong phạm vi kiểm sát hoạt động tư pháp.

Thứ năm, cảm nhận xã hội về toà án và hệ thống tư pháp hình sự: tâm lý “vô phúc đảo tụng đình” vẫn in sâu trong ý thức người dân một phần do cách nhìn nhận về tính quyền uy, trấn áp của pháp đình hơn là cách nhìn nhận pháp đình là thiết chế tài phán để bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích của người dân. Nhiều định kiến còn đến từ cả hai phía, phía Tòa án - Tòa án coi trọng giá trị lời nhận tội của bị can, bị cáo, coi trọng chứng cứ do người tiến hành tố tụng điều tra thu thập. Về phía người bị buộc tội, đó là định kiến “miệng nhà quan có gang có thép” hay “hình không đến bậc trượng phu, lễ không đến thứ dân”. Do đó, tâm lý phủ nhận vai trò của Tòa án bằng cách “tự xử”: tự

hòa giải với nhau, tự xử bằng cơ chế hương ước, lệ làng, tự xử bằng giang hồ, côn đồ, đầu gấu, tự xử bằng “chạy án” trước khi xét xử... không những là nguyên nhân của tình trạng tội phạm ảm mà còn là nguyên nhân dẫn tới việc quyền con người không được bảo đảm bằng thiết chế Tòa án và hoạt động xét xử.

Việc tháo các nút thắt trên là cần thiết và buộc phải thực hiện trong lộ trình cải cách tư pháp ở Việt Nam để đưa Tòa án đến vị thế cần có để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân như các nhiệm vụ của Tòa án mà Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đặt ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Herbert L. Packer: Two models of the criminal process, University of Pennsylvania Law Review, 1964, 1

(http://scholarship.law.upenn.edu/penn_law_review/vol113/iss1/1)

- [2] Joycelyn M. Pollock, *Ethical Dilemmas and Decisions in Criminal Justice*, Cengage Learning, Boston, 2015, p.116
- [3] <https://www.cliffsnotes.com/study-guides/criminal-justice/the-criminal-justice-system/which-model-crime-control-or-due-process>
- [4] Fairchild, E. and Dammer, H. R., *Comparative Criminal Justice System*, 2nd ed. Belmont, Wadsworth Thomson Learning, 2001, p. 146
- [5] Fairchild, E. and Dammer, H. R., *Comparative Criminal Justice System*, 2nd ed. Belmont, Wadsworth Thomson Learning, 2001, p. 148
- [6] Đào Trí Úc, *Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015* (in trong sách chuyên khảo “Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016, trang 59.

Role of the Court in Protecting Human Rights in crime-control Model, According to the Criminal Procedure Code of 2015

Le Lan Chi

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The court exercises the judicial power, thereby plays an important role in protecting human rights. However, such role varies across nations and models of criminal procedure. Vietnam, the country has been following the model of crime control, has its corresponding approach to the role of the court in protecting human rights. Notwithstanding, the current context of improving the rule of law and human rights has posed challenges and raised questions of changing the approach.

Keywords: The Court, adjudication, human rights, model, due-process, crime-control, the accused.